DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG CỦA PHÒNG KINH TẾ

LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN - BCT (01 thủ tục)				
1	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thuỷđiện	
LĨNH VỰC BẢO VỆQUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG - BCT (01 thủ tục)				
2	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ - BCT (02 thủ tục)				
3	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	
4	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ- BXD (06 thủ tục)				
5	1.014791	Cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	Đường bộ	
6	1.014790	Chấp thuận thiết kế nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	Đường bộ	

7	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	
8	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹthuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộkhi cần thiết đểcho phép xe quá khổgiới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	
9	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	
10	1.000314	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	
LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸTHUẬT - BXD (01 thủ tục)				
11	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạtầng kỹthuật	
LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA - BXD (25 thủ tục)				
12	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	
13	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	

14	1.009453	Thỏa thuận thông sốkỹthuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụthi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa	
15	1.009455	Công bốhoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụthi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa	
16	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	
17	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đường thủy nội địa	
18	2.001218	Công bốmở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờhiệu có màu sắc dễquan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	
19	1.009447	Công bốđóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
20	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy nội địa	
21	1.009454	Công bốhoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	

22	1.009452	Thỏa thuận thông sốkỹthuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
23	1.003658	Công bốlại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
24	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
25	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	
26	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từcơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
27	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	
28	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	
29	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	

30	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụsởhoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủphương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa	
31	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
32	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹthuật	Hàng hải và đường thủy nội địa	
33	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	
34	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổsung	Hàng hải và đường thủy nội địa	
35	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờhiệu có màu sắc dễquan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	
36	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghịhàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa	
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG - BXD (10 thủ tục)				

37	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dựán) và nhà ởriêng lẻ	Hoạt động xây dựng	
38	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ởriêng lẻ	Hoạt động xây dựng	
39	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dựán) và nhà ởriêng lẻ	Hoạt động xây dựng	
40	1.014792	Chấp thuận vềđịa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm	Hoạt động xây dựng	
41	1.014793	Chấp thuận tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm	Hoạt động xây dựng	

42	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dựán) và nhà ởriêng lẻ:	Hoạt động xây dựng	
43	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dựán) và nhà ởriêng lẻ	Hoạt động xây dựng	
44	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dựán) và nhà ởriêng lẻ	Hoạt động xây dựng	
45	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khảthi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khảthi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	
46	1.013234	Thẩm định Thiết kếxây dựng triển khai sau thiết kếcơ sở/ Thiết kếxây dựng triển khai sau thiết kế cơ sởđiều chỉnh;	Hoạt động xây dựng	
LĨNH VỰC NHÀ ỞVÀ CÔNG SỞ- BXD (02 thủ tục)				

47	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ởxã hội, vay vốn đểhộgia đình, cá nhân tựxây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Nhà ởvà công sở	
48	1.012888	Công nhận Ban quản trịnhà chung cư	Nhà ởvà công sở	
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG - BXD (01 thủtụ				
49	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn vềxây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊVÀ NÔNG THÔN - BXD (05 thủ tục)				
50	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thịvà nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn đểthực hiện dựán đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	
51	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thịvà nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	
52	1.014155	Thẩm định nhiệm vụquy hoạch, nhiệm vụđiều chỉnh quy hoạch đô thịvà nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn đểthực hiện dựán đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	
53	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụquy hoạch, nhiệm vụđiều chỉnh quy hoạch đô thịvà nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn đểthực hiện dựán đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	

54	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thịvà nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn đểthực hiện dựán đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	
LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO - BỘ TN&MT (04 thủ tục)				
55	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam đểnuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	
56	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	
57	3.000441	Trảlại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	
58	3.000442	Sửa đổi, bổsung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam đểnuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT - BỘ NN&MT (01 thủ tục)				
59	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt	
LĨNH VỰC CHĂN NUÔI - BỘ NN&MT (02 thủ tục)				
60	1.012837	Phê duyệt hỗtrợkinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từchăn nuôi sang các nghềkhác; chi phí cho cá nhân được đào tạo vềkỹthuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụphối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sựnghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	

61	1.012836	Hỗtrợchi phí vềvật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh đểphối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh đểthực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụphối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi	
V LĨNH VỰC THỦY SẢN - BỘ NN&MT (06 thủ tục)				
62	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụlục Công ước quốc tếvềbuôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từnuôi trồng	Thủy sản	
63	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụlục Công ước quốc tếvềbuôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từtựnhiên	Thủy sản	
64	1.004498	Sửa đổi, bổsung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	
65	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủlực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủtịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	Thủy sản	
66	1.004478	Công bốmởcảng cá loại III	Thủy sản	

67	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	
V LĨNH VỰC THÚ Y - BỘ NN&MT (01 thủ tục)				
68	1.013997	Hỗtrợcơ sởsản xuất bịthiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sởsản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y	
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI - BỘ NN&MT (01 thủ tục)				
69	1115649	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dựán có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư	Đất đai	
70	1115648	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dựán có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủtrương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật vềđầu tư; giao rừng, cho thuê rừng	Đất đai	
71	1115646	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủtrương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật vềđầu tư	Đất đai	
72	1115645	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật vềđầu tư	Đất đai	

73	1115643	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	
74	1115641	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai	
75	1115640	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứquyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Đất đai	
76	1115638	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dựán đầu tư	Đất đai	
77	1115634	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồquy hoạch, bản đồđịa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích	Đất đai	
78	1115633	d đấ ốli b i đấ h đị Sửdụng đất kết hợp đa mục đích; gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai	
79	1115630	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	Đất đai	
80	1115628	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	

81	1115627	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủsở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi.	Đất đai	
82	1115626	Xác định lại diện tích đất ởcủa hộgia đình, cá nhân trong trường hợp thửa đất ởcó vườn, ao, đất thổcư đã được cấp giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 khi người sử dụng đất có nhu cầu.	Đất đai	
83	1115625	Giải quyết đối với trường hợp cá nhân, hộgia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ởtrước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	
84	1115624	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộdiện tích đất đang sử dụng quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghịđịnh số 101/2024/NĐ-CP	Đất đai	
85	1115623	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộgia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận đối với một phần diện tích của thửa đất, phần diện tích còn lại chưa đủđiều kiện cấp giấy chứng	Đất đai	

86	1115622	h h định h l i h i điể Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã thực hiện chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp theo phương án "dồn điền đổi thửa" được cơ quan có thẩm quyền phê	Đất đai	
87	1115621	d h Cấp lại Giấy chứng nhận do bịmất	Đất đai	
88	1115620	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộgia đình đang sử dụng đất	Đất đai	
89	1115593	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	
90	1014793	Chấp thuận tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm	Đất đai	
91	1014792	Chấp thuận vềđịa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm	Đất đai	
92	1014791	Cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	Đất đai	
93	1014790	Chấp thuận thiết kế nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	Đất đai	
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - BỘ NN&MT (01 thủ tục)				

94	1.003596	Phê duyệt kếhoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp	
ILĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG - BỘ NN&MT (01 thủ tục)				
95	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Môi trường	
ILĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN - BỘ NN&MT (02 thủ tục)				
96	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	Địa chất và khoáng sản	
97	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	Địa chất và khoáng sản	
X LĨNH VỰC KIỂM LÂM - BỘ NN&MT (01 thủ tục)				
98	1.012694	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm	
X LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM - BỘ NN&MT (7 thủ tục)				
99	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bịthiệt hại	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
100	1.012531	Hỗtrợtín dụng đầu tư trồng rừng gỗlớn đối với chủrừng là hộgia đình, cá nhân	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
101	1.007919	Thẩm định thiết kế, dựtoán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dựtoán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dựán do Chủtịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	

102	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủtịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
103	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủrừng là hộgia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
104	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗloài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
105	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủrừng là hộgia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộgia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổhợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
LĨNH VỰC KINH TẾHỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ NN&MT (01 tục)				
106	1.003434	Hỗtrợdự án liên kết (cấp xã)	Kinh tếhợp tác và Phát triển nông thôn	
ILĨNH VỰC GIẢM NGHÈO - BỘ NN&MT (5 thủ tục)				
107	1.011609	Công nhận hộlàm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo	
108	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	

109	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	
110	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳhằng năm	Giảm nghèo	
111	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo	
112	Chưa xác minh	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027–2030	Giảm nghèo	Chưa có QR xác minh
113	Chưa xác minh	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027–2030	Giảm nghèo	Chưa có QR xác minh
ILĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI - BỘ NN&MT (thủ tục)				
114	1.010091	Hỗtrợkhám chữa bệnh, trợcấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	
115	1.010092	Trợcấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ5% trởlên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	
X LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆPHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NH NƯỚC Ộ				

116	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệmôi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệphí và thu khác của ngân sách nhà nước	
V LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI - BỘ NN&MT (01 thủ tục)				
117	1.115148	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghịđịnh số50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	Tài chính đất đai	
118	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	
VILĨNH VỰC THỦY LỢI - BỘ NN&MT (17 thủ tục)				
119	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
120	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	

121	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thểthao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụdo Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
122	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừxe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi do Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
123	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi do Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
124	1.014852	Cấp giấy phép nổmìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi do Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
125	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổmìn và các hoạt động gây nổkhác do Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	

126	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
127	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thểthao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụdo Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
128	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệcông trình thủy lợi do Chủtịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
129	2.001627	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã phê duyệt	Thủy lợi	
130	2.001621	Hỗtrợđầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷlợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗtrợtrực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổdựtoán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	
131	1.003471	Phê duyệt đềcương, kết quảkiểm định an toàn đập, hồchứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	

132	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	
133	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	
134	1.003347	Phê duyệt, công bốcông khai quy trình vận hành hồchứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
135	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệcông trình thủy lợi do Chủtịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủtịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
IILĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔHỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊ HIỆP HỢP TÁC XÃ - BỘTÀI CHÍNH				
136	1.004982	Đăng ký giải thểhợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
137	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

138	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
139	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
140	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bịtách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
141	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổhợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
142	2.002649	Thông báo bổsung, cập nhật thông tin trong hồsơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

143	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổhợp tác	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
144	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổsung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
145	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổhợp tác	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
146	2.002637	Đăng ký thành lập tổhợp tác; đăng ký tổhợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
147	2.002636	Đềnghịthu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổhợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giảmạo	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

148	2.002635	Đềnghịthay đổi tên tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
149	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổhợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bịmất, cháy, rách, nát hoặc bịtiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
150	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ởnước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
151	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổsung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
152	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thểhợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

153	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trởlại đối với tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
154	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
155	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổhợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
X LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (HỘKINH DOANH BTC (07 thủ tục)				
156	1.001612	Đăng ký thành lập hộkinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộkinh doanh)	
157	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộkinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộkinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộkinh doanh)	

158	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộkinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộkinh doanh)	
159	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộkinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộkinh doanh)	
160	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộkinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộkinh doanh)	
161	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộkinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộkinh doanh)	
162	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổsung thông tin trong hồsơ đăng ký hộkinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộkinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộkinh doanh)	
X LĨNH VỰC THÀNH LẬP, MỞRỘNG CỤM CÔNG NGHIỆP (1 thủ tục)				

163	1012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	LĨNH VỰC THÀNH LẬP, MỞ RỘNG CỤM CÔNG NGHIỆP	